

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1982/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch Đấu giá quyền sử dụng đất năm 2017
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Công văn số 548-CV/TU ngày 29/5/2017 của Thường trực Tỉnh ủy về việc chủ trương phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất và danh mục dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 4949/2015/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 390/TTr-STNMT ngày 05/4/2017 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh năm 2017, Tờ trình số 500/TTr-STNMT ngày 28/4/2017 về việc đề nghị phê duyệt bổ sung Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2017 và Công văn số 2508/STNMT-TCKH ngày 24/5/2017 về việc báo cáo UBND tỉnh nội dung giải trình kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh năm 2017 theo chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch Đấu giá quyền sử dụng đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chính như sau:

- Tổng số dự án (MB) đầu giá: 698 dự án
- Tổng diện tích quy hoạch: 638,86 ha
- Tổng diện tích thực hiện đầu giá: 449,86 ha
- Tổng tiền sử dụng đất tối thiểu dự kiến thu được: 5.075.125 triệu đồng

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, Trung tâm Phát triển quỹ đất Thanh Hóa và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện.

Các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất Thanh Hóa và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện; đồng thời thực hiện những nội dung công việc thuộc thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *4 x 6*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Công báo tỉnh Thanh Hóa;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
 - Lưu: VT, KTTC (HYT).
- QDCD 17-025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

PHỤ LỤC
(Kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
I	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THANH HÓA		0,458	0,358	16.817
A	Dự án chuyển tiếp năm 2016				
1	Đấu giá QSD đất khu đất thu hồi của Công ty TNHH Đức Lợi (Theo công văn số 6493/UBND-KTTC ngày 21/6/2016 của UBND tỉnh về việc đấu giá quyền sử dụng đất Khu đất thu hồi của Công ty TNHH Đức Lợi tại phường Đông Hải; Quyết định số 2808/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ sung Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2016), phường Đông Hải	Thành phố Thanh Hóa	0,258	0,258	9.649
2	Đấu giá QSD đất Khu xen cư số 14 Dã Tượng, phường Đông Sơn	Thành phố Thanh Hóa	0,200	0,100	7.168
II	THÀNH PHỐ THANH HÓA		35,240	31,464	1.434.887
A	Dự án mới				
1	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH chỉ tiết tỷ lệ 1/500 Khu xen cư số 2	Đồng lễ, P Đông Hải	0,615	0,424	12.708
2	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH chỉ tiết tỷ lệ 1/500 khu xen cư số 3	Lễ Môn, P Đông Hải	3,263	1,053	31.599
3	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 9106/QĐ-UBND, ngày 15/10/2015	phố Thành Khang 2, P. Tào Xuyên	0,300	0,180	3.600
4	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 775/UB-TP (khu tập thể Hội An cũ)	Phường Ba Đình	0,012	0,012	3.000
5	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH Dự án Khu thương mại dịch vụ tổng hợp và trụ sở làm việc tại phường Quảng Hưng (MBQH 10610/QĐ-UBND, ngày 25/12/2013 (điều chỉnh MBQH 1279)	Phường Quảng Hưng	0,167	0,167	25.000
6	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH 5355/QĐ-UBND, ngày 01/7/2016	Xã Quảng Đông	0,387	0,308	12.300
7	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 4884/QĐ-UBND, ngày 19/6/2015 khu xen cư phường Đông Vệ	Phường Đông Vệ	0,276	0,276	19.211
8	Trường mầm non kết hợp bể bơi đa năng tại MBQH số 6804/QĐ-UBND ngày 10/9/2013, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa	Phường Phú Sơn	0,732	0,732	19.034
B	Dự án chuyển tiếp năm 2016				
9	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 6804/UBND-QLĐT	Phường Phú Sơn	0,260	0,260	15.471
10	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 6275/UBND-QLĐT	Phường Nam Ngạn	1,860	1,860	23.000
11	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 1876/UBND-QLĐT	Phường Đông Hương	0,830	0,830	42.000
12	Quyết định số 18/QĐ-UBND xã Đông Hưng	Xã Đông Hưng	0,100	0,100	2.000
13	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 3241/UBND-QLĐT (điều chỉnh từ MBQH số 1755)	Phường Đông Hương, Đông Hải	7,500	7,500	525.070
14	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 216/QĐ-UBND ngày 18/12/2009	Xã Đông Vinh	0,390	0,390	13.492
15	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 1787/QĐ-UBND ngày 30/11/2011	Xã Đông Vinh	0,320	0,320	5.380

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
16	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 434/UBND-QLĐT	Xã Đông Hưng	1,010	1,010	7.000
17	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 425/UBND-QLĐT	Phường Tân Sơn	0,410	0,410	25.000
18	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH 55/UBND (quy hoạch khu Huyện Vũ)	Phường Tào Xuyên	0,200	0,200	4.266
19	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH 8191/QĐ-UBND, ngày 29/10/2013 (điều chỉnh từ MB 20/MBQH-UBND)	Xã Hoàng Anh	1,470	1,470	12.000
20	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH 79/UB-XD	Xã Quảng Tâm	0,840	0,840	25.065
21	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH 1065/QĐ-UBND	Xã Đông Lĩnh	1,200	1,200	1.917
22	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH 1066/QĐ-UBND		0,100	0,100	2.973
23	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH 1067/QĐ-UBND		0,100	0,100	2.000
24	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH 1068/QĐ-UBND		0,090	0,090	1.880
25	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 2107/UBND-QLĐT	Phường Đông Hải	0,020	0,020	1.200
26	Đấu giá quyền sử dụng đất Khu xen cư liền kề 72 Hàng Than	Phường Lam Sơn	0,170	0,170	33.263
27	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH trụ sở cũ phường Nam Ngạn	Phường Nam Ngạn	0,167	0,167	12.326
28	Đấu giá quyền sử dụng đất Khu xen cư nhà VH phố Quang Trung 3 (MBQH 939 XD/UB ngày 01/6/2007)	Phường Đông Vệ	0,100	0,100	5.500
29	Đấu giá quyền sử dụng đất (khu E MBQH số 741)	Phường Trường Thi	0,080	0,080	9.101
30	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 931/UBND-QLĐT	Phường Đông Vệ	0,370	0,370	40.200
31	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 09/UBND-QLĐT (khu dân cư mở rộng nút cổ chai Nguyễn Mộng Tuân)	Phường Nam Ngạn	0,650	0,650	32.000
32	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 77/XD-UBTH ngày 22/7/2003	Phố 5, phường Quảng Thắng	1,100	0,520	12.250
33	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 1409 XD/UB, ngày 21/8/2007	Phố 8, phường Quảng Thắng	1,150	0,660	19.898
34	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 101/UBND-XD ngày 31/12/2010	Xã Quảng Thịnh	0,108	0,108	5.460
35	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 618/QĐ-UBND	Phường An Hoạch	0,106	0,106	2.000
36	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 2120/QĐ-UBND		0,404	0,404	8.000
37	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 1820/QĐ-UBND	Phường Quảng Thành	2,400	2,400	112.000
38	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 1130/QĐ-UBND	Phường Hàm Rồng	3,494	3,494	262.723
39	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 2591	Xã Hoàng Quang	1,712	1,712	25.000
40	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH số 1474 (85 cũ)	Phường Nam Ngạn	0,420	0,420	15.000
41	Đấu giá quyền sử dụng đất MBQH 5365/QĐ-UBND, ngày 01/7/2016 (ĐA khu dân cư Đồng Cừ, thôn Tân Thọ)	Xã Đông Tân	0,357	0,252	4.000
III	THỊ XÃ BỈM SƠN		16,380	7,190	157.050
A	Dự án mới				
1	Đấu giá QSD đất xen kết hộ gia đình, cá nhân Nam đường Phùng Hưng	Phường Phú Sơn	0,040	0,040	800
2	Đấu giá QSD đất xen kết hộ gia đình, cá nhân khu Đồng Găng	Phường Phú Sơn	0,170	0,170	1.360
3	Đấu giá QSD đất xen kết hộ gia đình, cá nhân Bắc đường Lương Đình Của	Phường Phú Sơn	0,030	0,030	750

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
4	MBQH đấu giá QSD đất xen cư khu phố 1	Phường Bắc Sơn	0,070	0,070	840
5	Đấu giá QSD đất xen kẹt hộ gia đình, cá nhân phía Đông đường Bùi Thị Xuân	Phường Ba Đình	0,010	0,010	400
6	MBQH đấu giá QSD đất khu nhà ở xen cư thôn 1	Xã Quang Trung	0,020	0,020	200
7	MBQH đấu giá QSD đất khu nhà ở xen cư thôn 3	Xã Quang Trung	0,010	0,010	150
8	MBQH đấu giá QSD đất khu nhà ở xen cư thôn 4	Xã Quang Trung	0,010	0,010	200
B	Dự án chuyển tiếp năm 2016				
9	MBQH đấu giá QSD đất Dự án Khu xen cư Trạm Y tế mới, đường Nguyễn Đức Cảnh	Phường Ba Đình	0,480	0,190	5.700
10	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư Nam đường Lê Chân	Phường Ba Đình	1,060	0,500	16.000
11	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư Đông Lê Chí Trục	Phường Ba Đình	1,580	0,600	8.730
12	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư phía Đông Bệnh viện đa khoa	Phường Lam Sơn	1,180	0,600	12.000
13	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư Đồi Mơ	Phường Đông Sơn	0,320	0,250	5.250
14	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư Tây Bãi Phình khu phố 12	Phường Ngọc Trạo	1,780	0,700	14.000
15	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư Nam Cỏ Đam	Phường Lam Sơn	8,000	3,200	80.000
16	Xen cư Nam đường Hồ Tùng Mậu, khu phố 9	Phường Bắc Sơn	0,500	0,270	6.750
17	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư thôn Đoài Thôn	Xã Hà Lan	1,000	0,400	3.200
18	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư thôn Diên Lư (phía Tây đường Bim Sơn đi Hà Thanh)	Xã Hà Lan	0,120	0,120	720
IV	HUYỆN HOÀNG HÓA		55,530	41,910	241.724
A	Dự án mới				
1	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư đô thị	Thị trấn Bút Sơn	7,120	4,430	38.742
2	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Giang	1,920	1,360	2.912
3	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Xuân	2,000	1,350	4.725
4	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Khánh	0,740	0,610	1.247
5	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Phú	2,160	1,080	3.726
6	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Qùy	1,330	1,090	9.387
7	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Kim	0,540	0,390	2.417
8	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Trung	1,180	1,000	5.611
9	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Trinh	0,930	0,630	3.787
10	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Sơn	0,800	0,610	820
11	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Lương	1,580	1,190	14.651
12	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Xuyên	1,150	0,880	4.071
13	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Cát	1,410	0,810	2.005
14	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Khê	2,470	1,500	999
15	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Quý	1,040	0,820	2.814

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
16	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Hợp	0,340	0,280	712
17	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Minh	1,000	0,900	2.475
18	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Phúc	0,690	0,530	1.782
19	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Đức	1,670	1,160	8.218
20	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Hà	0,860	0,730	2.639
21	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Đạt	0,900	0,750	3.428
22	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Vinh	1,630	1,570	8.739
23	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Đạo	1,780	1,650	5.656
24	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Thăng	1,340	1,070	3.266
25	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Đông	4,890	4,360	20.618
26	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Thái	0,600	0,560	1.420
27	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Thịnh	1,680	1,240	14.438
28	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Thành	0,610	0,560	4.365
29	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Lộc	1,440	1,120	25.084
30	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Trach	1,120	0,810	1.783
31	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Tân	0,450	0,370	938
32	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Tiến	3,090	2,510	11.288
33	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Hải	1,420	1,110	6.004
34	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Thanh	1,490	1,130	4.892
35	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Phú	1,210	0,900	5.239
36	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Trường	0,950	0,850	10.826
V	HUYỆN QUẢNG XƯƠNG		70,100	30,940	304.000
A	Dự án mới				
1	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất thị trấn	Thị trấn Quảng Xương	4,200	2,000	40.000
2	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Tân	5,600	3,000	40.000
3	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Trach	2,900	1,500	16.000
4	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Phong	2,800	1,700	17.000
5	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Đức	3,900	2,000	20.000
6	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Định	3,900	1,000	25.000
7	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Nhân	2,700	1,000	14.000
8	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Ninh	2,800	1,500	14.000
9	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Bình	2,000	0,850	9.000
10	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Hợp	1,900	1,100	6.000
11	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Văn	2,600	1,240	10.000
12	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Long	1,800	1,200	6.000

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
13	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Yên	2,100	1,150	8.000
14	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Hòa	2,400	1,000	6.000
15	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Linh	2,600	1,500	10.000
16	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Khê	2,400	1,000	8.000
17	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Trung	2,300	1,200	8.000
18	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Chính	2,400	1,000	8.000
19	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Ngọc	2,600	1,000	3.000
20	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Trường	2,700	1,000	6.000
21	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Phúc	2,300	0,500	5.000
22	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Vọng	2,000	0,700	3.000
23	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Giao	3,400	1,000	9.000
24	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Lưu	3,400	0,800	8.000
25	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất	Xã Quảng Lộc	2,400	1,000	5.000
VI	HUYỆN ĐÔNG SƠN		39,470	23,682	376.212
A	Dự án mới				
1	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư hai bên QL 47 nắn (gần trường cấp 3)	Thị trấn Rừng Thông	10,000	6,000	120.000
2	MBQH đấu giá QSD đất Trụ sở UBND thị trấn cũ		0,060	0,036	720
3	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư đồng nỏ Nga đông xuân cũ (kẹp giữa QL47 mới và đường 517)		2,560	1,536	30.720
4	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư dọc đường trục chính trung tâm huyện		5,600	3,360	67.200
5	MBQH đấu giá QSD đất trước bệnh viện đa khoa (dọc QL47 phía nam)		5,500	3,300	66.000
1	MBQH đấu giá QSD đất Khu Mã Màu thôn 4 (đối diện trụ sở UBND xã)	Xã Đông Minh	0,630	0,378	3.780
2	MBQH đấu giá QSD đất Đồng Vọng đường đi xã Đông Hòa (đối diện trung tâm TT xã)		0,450	0,270	2.700
3	MBQH đấu giá QSD đất Phía bắc QL 47 mới		0,910	0,546	5.460
4	MBQH đấu giá QSD đất Đồng Cồn Huyện Thôn Phú Bát	Xã Đông Phú	0,810	0,486	3.402
5	MBQH đấu giá QSD đất Đồng Cửa thôn Bái Vượng		0,190	0,114	798
6	MBQH đấu giá QSD đất Đồng Nạy thôn Yên Doãn 2	Xã Đông Yên	0,400	0,240	2.400
7	MBQH đấu giá QSD đất Sau Nháng thôn Yên Doãn 2		0,500	0,300	3.000
8	MBQH đấu giá QSD đất Đồng Nga thôn Yên Cẩm 2 (giáp trường MN mới)		0,450	0,270	2.700
9	MBQH đấu giá QSD đất Cầu Đanh thôn Yên Doãn 2	Xã Đông Tiến	0,300	0,180	1.800
10	MBQH đấu giá QSD đất Đồng Dồn, Cồn Vịt thôn Triệu Xá 1		1,200	0,720	7.200
11	MBQH đấu giá QSD đất Bờ Hồ thôn Triệu xá 1	Xã Đông Thanh	0,250	0,150	1.500
12	MBQH đấu giá QSD đất Cồn Ngọ thôn 10		0,110	0,066	660
13	MBQH đấu giá QSD đất Đồng Cây Đa thôn 3		0,220	0,132	1.320

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
14	MBQH đầu giá QSD đất Đồng Rong thôn 9	Xã Đông Ninh	0,490	0,294	2.940
15	MBQH đầu giá QSD đất Đồng Hội thôn 1 và Cồn Dầu thôn 3		0,500	0,300	2.100
16	MBQH đầu giá QSD đất Mã Phú thôn 4		0,400	0,240	1.680
17	MBQH đầu giá QSD đất đôi diện trường học tại Rọc thôn 4		0,400	0,240	1.680
18	MBQH đầu giá QSD đất Giáp chợ Rùn	Xã Đông Khê	0,500	0,300	3.000
19	MBQH đầu giá QSD đất Cồn Du thôn 1		0,300	0,180	2.700
20	MBQH đầu giá QSD đất Đồng Bàn thôn 7		0,400	0,240	3.600
21	MBQH đầu giá QSD đất Ngọn Sọc Thôn 4 (dọc tỉnh lộ 521)	Xã Đông Hoàng	0,360	0,216	2.160
22	MBQH đầu giá QSD đất Bả Đông - Cồn Lãng thôn 4 (dọc tỉnh lộ 521)		0,500	0,300	3.000
23	MBQH đầu giá QSD đất Dọc Chan - Công Nô thôn 10	Xã Đông Hoà	0,500	0,300	3.000
24	MBQH đầu giá QSD đất Đồng Ngựa thôn 12		0,450	0,270	1.890
25	MBQH đầu giá QSD đất sau Chùa Thôn 2	Xã Đông Anh	0,410	0,246	3.690
26	MBQH đầu giá QSD đất Khu Nhà Thánh thôn 7		0,530	0,318	4.770
27	MBQH đầu giá QSD đất Khu Đồng Trước thôn Văn Nam	Xã Đông Văn	0,400	0,240	2.400
28	MBQH đầu giá QSD đất khu Ngã Ba thôn Văn Thắng		0,010	0,006	60
29	MBQH đầu giá QSD đất giáp trường THPT		0,050	0,030	300
30	MBQH đầu giá QSD đất Đồng Bần + Bãi Thờ thôn Đức Thắng (hai bên trục đường xã)	Xã Đông Quang	0,280	0,168	1.176
31	MBQH đầu giá QSD đất Đồng Cồn Đồi thôn Minh Thành		0,300	0,180	1.260
32	MBQH đầu giá QSD đất Khu Mã Lách		0,080	0,048	336
33	MBQH đầu giá QSD đất Khu cồn Núi		0,050	0,030	210
34	MBQH đầu giá QSD đất Nổ Đá Dưới thôn 8	Xã Đông Thịnh	1,150	0,690	6.900
35	MBQH đầu giá QSD đất Nổ Đá trên thôn 8		0,370	0,222	2.220
36	MBQH đầu giá QSD đất Đồng Cửa Nghè thôn Hạnh Phúc	Xã Đông Nam	0,300	0,180	1.260
37	MBQH đầu giá QSD đất Đồng Ngáng Trên thôn Phúc Đoàn		0,250	0,150	1.050
38	MBQH đầu giá QSD đất Đồng Cồn Chùa thôn Tân Chính		0,350	0,210	1.470
VII	HUYỆN HÀ TRUNG		39,470	24,080	194.801
A	Dự án mới				
1	MBQH đầu giá QSD đất ở khu dân cư thị trấn	Thị trấn Hà Trung	1,500	1,500	15.000
2	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Toại	0,600	0,600	7.200
3	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Ninh	1,000	1,000	10.000
4	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Phú	1,800	0,800	2.500
5	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Lai	0,700	0,700	6.000
6	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Bắc	0,100	0,100	300
7	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Lâm	0,600	0,600	3.000

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đầu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
8	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Châu	2,000	0,400	2.000
9	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Thanh	1,970	0,410	2.371
10	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Yên	1,860	0,580	5.000
11	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Hải	3,040	0,730	4.210
12	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Lĩnh	2,000	1,200	6.000
13	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Phong	0,670	0,670	3.350
14	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Long	1,500	1,500	30.000
15	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Sơn	0,800	0,800	2.400
16	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Ngọc	0,800	0,800	3.200
17	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Vân	3,510	0,670	4.020
18	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Dương	4,000	1,200	14.200
19	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Thái	1,800	0,600	9.000
20	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Tân	0,370	0,370	1.850
21	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Bình	1,000	1,000	10.000
22	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Giang	0,800	0,800	2.400
23	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Vinh	0,500	0,500	1.500
24	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Tiên	0,800	0,800	2.000
25	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Đông	1,360	1,360	5.000
26	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Lai	0,860	0,860	9.000
27	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Vân	0,250	0,250	1.800
28	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Thái	0,620	0,620	6.000
29	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Bình	1,150	1,150	12.000
30	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Lĩnh	0,700	0,700	7.500
B	Dự án chuyển tiếp năm 2016				
25	MBQH đầu giá QSD đất khu dân cư nông thôn	Xã Hà Đông	0,810	0,810	6.000
VIII	HUYỆN THIẾT HÓA		20,640	13,917	132.935
A	Dự án mới				
1	MBQH Đầu giá QSD đất ở thị trấn	TK 12- TT Vạn Hà	4,500	2,700	54.000
2	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Toán	0,230	0,161	1.127
3	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Chính	0,710	0,497	2.982
4	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Hòa	0,300	0,210	1.470
5	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Tâm	0,900	0,630	4.410
6	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Viên	0,600	0,420	2.940
7	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Lý	0,760	0,532	3.724
8	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Vạn	0,250	0,175	1.750

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
9	MBQH Đấu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Trung	0,600	0,420	2.520
10	MBQH Đấu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Châu	0,800	0,560	3.920
11	MBQH Đấu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Tân	0,620	0,434	2.170
12	MBQH Đấu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Giao	0,830	0,500	4.000
13	MBQH Đấu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Ngọc	0,700	0,490	2.450
14	MBQH Đấu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Vũ	0,670	0,469	3.752
15	MBQH Đấu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Tiên	0,700	0,490	3.920
16	MBQH Đấu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Phúc	0,600	0,420	2.520
17	MBQH Đấu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Thành	0,600	0,420	2.940
18	MBQH Đấu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Công	0,700	0,490	4.410
19	MBQH Đấu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Phú	0,870	0,609	5.481
20	MBQH Đấu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Long	0,860	0,602	4.214
21	MBQH Đấu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Giang	0,590	0,413	2.065
22	MBQH Đấu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Quang	0,680	0,476	2.380
23	MBQH Đấu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Hợp	0,700	0,490	3.920
24	MBQH Đấu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Nguyên	1,010	0,707	5.656
25	MBQH Đấu giá QSD đất ở nông thôn	Xã Thiệu Duy	0,860	0,602	4.214
IX	HUYỆN TRIỆU SON		40,277	29,866	263.240
A	Dự án mới				
1	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư đô thị	Thị Trấn Triệu Sơn	1,574	0,944	13.200
2	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư thôn phúc âm 1	Xã Đồng Tiến	0,300	0,255	900
3	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 7	Xã Tiên Nông	0,440	0,374	1.500
4	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư xóm 7	Xã Khuyến Nông	0,600	0,510	2.300
5	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư xóm 13		0,040	0,034	300
6	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 1		0,670	0,570	2.200
7	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 3	Xã Thọ Tân	0,062	0,053	400
8	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 2,3,5		0,830	0,830	12.000
9	MBQH đấu giá QSD đất khu xen cư dân cư xóm 3		0,030	0,026	44
10	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Vĩnh Trụ 3	Xã An Nông	0,700	0,420	9.900
11	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Vĩnh Trụ 2		0,200	0,170	900
12	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Đô Trình 3		0,050	0,043	305
13	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 9	Xã Thọ Ngọc	0,620	0,527	3.780
14	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 12	Xã Nông Trường	0,600	0,380	4.000
15	MBQH đấu giá QSD Đất ở nông thôn khu vực 1 (xóm 8)		0,210	0,179	2.430
16	MBQH đấu giá QSD Đất ở nông thôn khu vực 2 xen cư (xóm 8)	Xã Đồng Thắng	0,020	0,017	500

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
17	MBQH Đất ở tái định cư chùa Thiên Thanh		0,100	0,085	70
18	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư xóm 6	Xã Hợp Tiến	0,510	0,434	91
19	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Bình Trị	Xã Thọ Tiến	0,470	0,400	1.180
20	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư quần Nham 2		0,330	0,281	450
21	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư Quần Nham 1	Xã Đồng Lợi	0,600	0,510	250
22	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư Lộc Trạch 2		0,460	0,391	240
23	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 1	Xã Minh Dân	1,330	1,131	7.570
24	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư đồng dọc	Xã Thọ Dân	0,500	0,425	2.000
25	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư Đít chum thôn 4		0,200	0,170	1.970
26	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 9	Xã Dân Quyền	0,120	0,102	1.775
27	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 10		0,250	0,213	4.365
28	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 1	Xã Triệu Thành	1,000	0,850	1.050
29	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 4	Xã Xuân Thịnh	0,650	0,553	550
30	MBQH đấu giá QSD đất Khu đồng Bồng thôn 4	Xã Xuân Lộc	0,090	0,077	800
31	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư đường du thôn 8,9		0,500	0,250	2.200
32	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 6	Xã Thọ Cường	0,270	0,230	2.485
33	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 5		0,160	0,136	1.220
34	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư cón Chốt, sau đồng thôn 4	Xã Thọ Vực	1,000	0,600	8.500
35	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư cón Cỏ, Hàm Lợn thôn 7		0,360	0,306	1.800
36	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư Ao Mắm	Xã Minh Châu	0,520	0,442	3.680
37	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 10	Xã Vân Sơn	0,400	0,280	1.700
38	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 2, thôn 3		0,400	0,340	950
39	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Thái Sơn	Xã Thái Hòa	0,162	0,138	790
40	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Thái Nhân 1		0,255	0,217	760
41	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Xuân Tiến	Xã Dân Lực	5,050	4,293	69.000
42	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Bao Lâm	Xã Bình Sơn	0,430	0,366	600
43	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 6		0,118	0,100	140
44	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 1	Xã Thọ Thế	0,083	0,071	70
45	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 9		0,223	0,190	560
46	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 10	Xã Thọ Bình	0,500	0,425	1.800
47	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 1		0,500	0,425	1.550
48	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 9	Xã Dân Lý	0,500	0,425	3.600
49	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 4 và thôn 5	Xã Thọ Phú	1,460	0,876	8.500
50	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Diên Đông		0,600	0,540	4.800
51	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư thôn Diên Hòa	Xã Hợp Thành	0,020	0,018	400

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
52	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư thôn Diên Bình		0,140	0,126	140
53	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư xóm 9 xóm 5	Xã Hợp Lý	0,690	0,587	4.250
54	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 2	Xã Hợp Thắng	0,450	0,383	3.505
55	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư từ UBND xã đến tỉnh lộ 515		0,500	0,500	3.900
56	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 5	Xã Thọ Sơn	0,410	0,349	1.250
57	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 14		0,210	0,179	1.040
58	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư xóm 6,7	Xã Xuân Thọ	0,400	0,340	1.830
B	Dự án chuyển tiếp năm 2016				
59	MBQH 2016 xã Minh Dân	Xã Minh Dân	1,370	0,580	7.500
60	MBQH 2016 xã Thọ Thê	Xã Thọ Thê	1,760	0,600	7.500
61	MBQH 2016 xã Xuân Lộc	Xã Xuân Lộc	0,750	0,360	2.950
62	MBQH 2016 xã Khuyến Nông	Xã Khuyến Nông	0,700	0,150	7.000
63	MBQH 2016 xã Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến	0,260	0,210	1.700
64	MBQH 2016 xã Xuân Thọ	Xã Xuân Thọ	0,800	0,520	3.300
65	MBQH 2016 xã Tiên Nông	Xã Tiên Nông	0,260	0,220	1.050
66	MBQH 2016 xã Nông Trường	Xã Nông Trường	0,600	0,380	6.300
67	MBQH 2015 xã Dân Lực	Xã Dân Lực	0,770	0,230	2.000
68	MBQH 2015 xã Dân Quyền	Xã Dân Quyền	0,350	0,150	3.500
69	MBQH 2014 xã Minh Sơn		0,640	0,640	3.300
70	MBQH 2015 xã Minh Sơn	Xã Minh Sơn	0,250	0,250	1.500
71	MBQH 2016 xã Minh Sơn		0,600	0,600	1.900
72	MBQH 2016 thôn 5,10 xã Thọ Dân	Xã Thọ Dân	1,300	0,900	5.700
X	HUYỆN NÔNG CỐNG		23,800	18,880	175.800
A	Dự án mới				
1	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Tế Tân	0,080	0,080	240
2	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Tế Lợi	0,900	0,750	5.500
3	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Minh Khôi	0,840	0,700	7.000
4	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Minh Nghĩa	1,000	0,800	4.500
5	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Thăng Thọ	1,200	0,850	15.000
6	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Hoàng Sơn	0,500	0,450	2.700
7	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Trường Sơn	0,500	0,450	2.250
8	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Trượng Sơn	0,110	0,100	500
9	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Tế Nông	1,000	0,850	4.250
10	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Thăng Long	1,000	0,820	8.000
11	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Trung Chính	0,810	0,680	5.700

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
12	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Công Liêm	1,000	0,850	8.500
13	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Vạn Thắng	1,000	0,900	4.500
14	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Vạn Hoà	0,980	0,860	3.500
15	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Thăng Bình	0,980	0,800	9.600
16	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Vạn Thiện	0,560	0,480	2.400
17	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Trung Ý	0,870	0,800	2.500
18	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Tượng Lĩnh	0,940	0,820	4.000
19	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Tế Thắng	0,860	0,780	3.150
20	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Tân phúc	1,000	0,860	3.800
21	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Công Bình	0,380	0,300	1.500
22	MBQH đấu giá QSD đất Dự án Khu dân cư trung tâm Minh Thọ (giai đoạn 2)		2,640	1,620	32.400
23	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư Bái Đa	Thị trấn Nông Công	1,500	0,950	14.250
24	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư Nam Giang (giai đoạn 2)		1,650	1,100	22.000
B	Dự án chuyển tiếp năm 2016				
25	MBQH đấu giá QSD đất khu dân cư chất lượng cao (giai đoạn 1)	Xã Minh Khôi	0,500	0,380	4.560
26	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Công Chính	1,000	0,850	3.500
XI	HUYỆN HẬU LỘC		10,350	9,850	49.620
A	Dự án mới				
1	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Châu Lộc	0,300	0,150	1.500
2	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Triệu Lộc	0,250	0,250	2.300
3	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Đông Lộc	0,350	0,350	1.600
4	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Thành Lộc	0,500	0,450	2.100
5	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Đại Lộc	0,800	0,800	2.600
6	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Hoa Lộc	0,700	0,700	4.100
7	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Mỹ Lộc	0,650	0,650	2.512
8	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Lộc Tân	1,300	1,300	6.000
9	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Phú Lộc	0,700	0,500	3.208
10	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Thị trấn Hậu Lộc	1,200	1,200	4.800
11	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Thịnh Lộc	0,500	0,500	3.200
12	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Quang Lộc	0,600	0,500	5.000
13	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Liên Lộc	0,700	0,700	3.100
14	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Thuần Lộc	0,400	0,400	900
15	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Tuy Lộc	0,400	0,400	1.800
16	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Tiên Lộc	0,600	0,600	2.800
17	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Văn Lộc	0,400	0,400	2.100

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
XII	HUYỆN NGỌC LẠC		14,819	13,306	101.651
A	Dự án mới				
1	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư thôn 1	Xã Ngọc Liên	0,130	0,130	450
2	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư thôn Diên Sơn 1, Diên Sơn 2	Xã Ngọc Sơn	0,655	0,655	1.310
3	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư làng Vải	Xã Mỹ Tân	0,653	0,500	750
4	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư làng Chu		0,670	0,600	570
5	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư làng Hạ	Xã Phùng Minh	0,470	0,420	399
6	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư làng Cốc		0,380	0,340	361
7	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư làng Mùn 02	Xã Đồng Thịnh	0,970	0,970	765
8	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư làng Minh Thạch 1		0,130	0,130	1.430
9	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư làng Minh Thạch 2	Xã Nguyệt Án	0,360	0,360	1.800
10	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư làng Đồng Thuận		0,320	0,320	1.280
11	MBQH đấu giá QSD đất khu Bần Mương, Cao Phong		0,327	0,300	1.500
12	MBQH đấu giá QSD đất khu Đồng Chanh Ngọc Minh	Xã Ngọc Khê	0,902	0,800	3.200
13	MBQH đấu giá QSD đất khu xen cư thôn Minh Thành		0,250	0,250	360
14	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư thôn Xuân Minh	Xã Ngọc Trung	0,200	0,200	324
15	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư làng Đồng Trôi		0,650	0,650	2.275
16	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư Trảng Quán, làng Cò Chè	Xã Lộc Thịnh	0,360	0,360	1.080
17	MBQH đấu giá QSD đất Khu Quang Sơn		0,329	0,329	385
18	MBQH đấu giá QSD đất Khu Quang Vinh	Xã Quang Trung	0,188	0,188	480
19	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư thôn Minh Châu 2	Xã Minh Sơn	0,600	0,600	3.512
20	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư làng Bình Sơn		0,330	0,330	990
21	MBQH đấu giá QSD đất Khu xen cư làng Xuân Chính	Xã Thạch Lập	0,690	0,690	1.380
22	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Ngọc Sơn	Xã Thủy Sơn	0,470	0,450	5.850
23	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư làng 11	Xã Kiên Thọ	0,235	0,234	500
24	MBQH đấu giá QSD đất thôn Trung tâm (lô 2)	Xã Lam Sơn	0,350	0,300	300
25	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư Bưu điện huyện đi Cầu Tàng Phố Lê Thánh Tông	Thị trấn Ngọc Lạc	4,200	3,200	70.400
XIII	HUYỆN TĨNH GIA		24,990	11,510	75.600
A	Dự án mới				
1	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Nguyên Bình	2,000	0,400	3.200
2	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Hải Nhân	1,300	1,000	5.500
3	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Tùng Lâm	0,760	0,500	3.500
4	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Hùng Sơn	0,820	0,200	800
5	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Ngọc Lĩnh	2,260	0,800	2.800

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
6	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Triều Dương	0,480	0,400	2.000
7	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Thanh Thủy	1,600	0,400	2.000
8	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Anh Sơn	0,850	0,400	1.000
9	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Thanh Sơn	0,510	0,500	3.500
10	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Định Hải	1,500	0,500	1.200
11	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Hải Thanh	4,300	2,500	18.750
12	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Các Sơn	1,600	0,400	1.200
13	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Nghi Sơn	0,010	0,010	150
14	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thị trấn	Thị trấn Tĩnh Gia	2,000	1,200	15.000
15	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư nông thôn	Xã Trúc Lâm	5,000	2,300	15.000
XIV	HUYỆN YÊN ĐỊNH		29,370	29,370	233.834
A	Dự án mới				
1	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư thị trấn	Thị trấn Thống Nhất	1,000	1,000	12.000
2	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư thị trấn	Thị trấn Quán Lào	1,000	1,000	25.000
3	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Yên Phú	0,850	0,850	5.100
4	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Yên Lâm	1,000	1,000	5.000
5	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Yên Tâm	1,000	1,000	6.000
6	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Yên Giang	0,490	0,490	1.225
7	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Quý Lộc	1,200	1,200	6.000
8	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Yên Hùng	0,960	0,960	7.680
9	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Yên Ninh	0,500	0,500	3.000
10	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Yên Lạc	0,600	0,600	1.800
11	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Yên Thịnh	0,500	0,500	1.750
12	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Yên Trung	0,600	0,600	3.600
13	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Yên Trường	1,000	1,000	12.000
14	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Yên Thọ	1,000	1,000	5.000
15	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Yên Bái	0,610	0,610	3.050
16	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Yên Phong	0,740	0,740	3.700
17	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Yên Thái	1,000	1,000	6.000
18	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Định Tăng	0,720	0,720	3.600
19	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Định Hoà	0,800	0,800	3.600
20	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Định Bình	0,950	0,950	6.650
21	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Định Thành	1,000	1,000	5.000
22	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Định Công	0,700	0,700	3.500
23	MBQH đấu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Định Tân	0,700	0,700	5.600

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đầu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
24	MBQH đầu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Đình Tiên	0,750	0,750	2.625
25	MBQH đầu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Đình Hải	0,800	0,800	2.800
26	MBQH đầu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Đình Long	1,200	1,200	10.800
27	MBQH đầu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Đình Liên	1,000	1,000	16.000
28	MBQH đầu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Đình Tường	0,700	0,700	4.200
29	MBQH đầu giá QSD đất đất ở xen cư nông thôn	Xã Đình Hưng	1,000	1,000	5.500
B	Dự án chuyển tiếp năm 2016				
30	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thị trấn Quán Lào	Thị trấn Quán Lào	5,000	5,000	56.054
XV	HUYỆN VINH LỘC		13,300	8,930	118.576
A	Dự án mới				
1	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Tiên Ích	Xã Vinh Quang	0,200	0,150	1.500
2	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Cẩm Hoàng		0,200	0,150	1.200
3	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Eo Lê		0,400	0,300	2.700
4	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Tiên Ích		0,150	0,100	1.000
5	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Yên Tôn Hạ	Xã Vinh Yên	0,130	0,090	810
6	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Phú Lưu		0,130	0,090	1.440
7	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Mỹ Xuyên		0,130	0,100	700
8	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Mỹ Xuyên		0,430	0,250	5.500
9	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Cầu Mư	Xã Vinh Long	0,090	0,060	600
10	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Đông Môn		0,130	0,090	1.350
11	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Đông Môn		0,090	0,060	900
12	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Phương Giai		0,040	0,030	420
13	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Phương Giai	Xã Vinh Tiến	0,550	0,400	6.400
14	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Tây Giai		0,090	0,060	660
15	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Xuân Giai		0,120	0,100	1.056
16	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Tây Giai		0,160	0,120	1.440
17	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Đông Minh	Xã Vinh Phúc	0,290	0,200	4.000
18	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Văn Hạnh		0,320	0,240	2.160
19	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn Quán Hát		0,190	0,130	1.430
20	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn 8,9		0,170	0,120	1.200
21	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn 3,8	Xã Vinh Hưng	0,260	0,180	1.440
22	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn 1,6		0,200	0,140	1.400
23	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn 1		0,300	0,220	2.200
24	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn 6		0,200	0,140	1.540
25	MBQH đầu giá QSD đất Khu dân cư thôn 5	Xã Vinh Thành	0,250	0,180	2.160

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
26	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Thọ Vực 2	Xã Vĩnh Ninh	0,680	0,370	7.770
27	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 1,2,3	Xã Vĩnh Khang	0,250	0,180	1.440
28	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 4,5		0,250	0,190	1.710
29	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư ven QL 217	Xã Vĩnh Hòa	1,200	0,660	7.260
30	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư ven QL 217	Xã Vĩnh Hùng	0,720	0,400	8.000
31	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 4		0,350	0,190	3.800
32	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 2	Xã Vĩnh Tân	0,450	0,340	3.060
33	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 2		0,090	0,070	560
34	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư xóm 5	Xã Vĩnh Minh	0,360	0,250	2.500
35	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư Làng Trung	Xã Vĩnh Thịnh	0,970	0,650	6.500
36	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 3		0,380	0,280	2.800
37	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 4		0,070	0,050	400
38	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 4	Xã Vĩnh An	0,150	0,110	770
39	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 7		0,150	0,120	960
40	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 8		0,150	0,120	840
41	MBQH đấu giá QSD đất ở dân cư khu III		1,860	1,250	25.000
42	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư Cửa Tiền (khu vực Công phụ Chợ Giàng), khu 2	Thị trấn Vĩnh Lộc	0,150	0,120	3.000
XVI	HUYỆN THẠCH THÀNH		9,240	9,240	20.580
A	Dự án mới				
1	MBQH Đấu giá QSD đất ở thôn Thành Du, Thôn Trung Tâm, thôn Thành Sơn	Xã Thành long	0,400	0,400	800
2	MBQH Đấu giá QSD đất ở (Trung tâm bia)	Xã Ngọc Trạo	0,160	0,160	320
3	MBQH Đấu giá QSD đất ở thôn Đông Minh		0,500	0,500	1.000
4	MBQH Đấu giá QSD đất ở thôn Tân Thịnh	Xã Thành Tâm	0,300	0,300	600
5	MBQH Đấu giá QSD đất dân cư thôn Phố Cát		0,910	0,910	1.820
6	MBQH Đấu giá QSD đất ở thôn Tiên Quang	Xã Thành Vân	0,080	0,080	160
7	MBQH Đấu giá QSD đất ở	Xã Thành Minh	0,800	0,800	1.600
8	Đấu giá đất QSD ở thôn Bằng Lợi		0,180	0,180	360
9	MBQH Đấu giá QSD đất ở thôn Châu Sơn	Xã Thạch Bình	0,240	0,240	480
10	MBQH Đấu giá QSD đất ở thôn 1 Liên Sơn, Thôn 6-7 Tân Sơn		0,400	0,400	800
11	MBQH Đấu giá QSD đất ở thôn 2 Liên Sơn	Xã Thành Kim	0,400	0,400	800
12	MBQH Đấu giá QSD đất ở thôn 5 liên Sơn	Xã Thạch Đồng	0,500	0,500	1.000
13	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở	Xã Thạch Cẩm	0,200	0,200	400
14	MBQH Đấu giá QSD đất ở thôn Xuân Long	Xã Thành Công	0,500	0,500	1.000

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đầu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
15	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất dân cư	Xã Thạch Tượng	0,500	0,500	1.000
16	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất dân cư	Thị trấn Kim Tân	0,200	0,200	800
17	MBQH Đầu giá QSD đất khu dân cư Khu 3		0,200	0,200	800
18	MBQH Đầu giá QSD đất khu dân cư Khu 6	Xã Thành Tiến	0,260	0,260	520
19	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất khu dân cư	Xã Thạch Định	0,400	0,400	800
20	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở	Xã Thạch Sơn	0,500	0,500	1.000
21	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở	Xã Thành Hưng	0,500	0,500	1.000
22	MBQH Đầu giá QSD đất khu dân cư	Xã Thạch Cẩm	0,080	0,080	160
23	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất thôn Cẩm Mới	Thị trấn Văn Du	0,650	0,650	2.600
24	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở	Xã Thạch Tân	0,380	0,380	760
XVII	HUYỆN THỌ XUÂN		56,150	39,560	251.920
A	Dự án mới				
1	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Khánh	1,170	0,800	4.800
2	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Thọ Nguyên	0,950	0,700	4.200
3	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Thành	0,720	0,600	3.600
4	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Hạnh Phúc	1,620	1,320	7.920
5	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Bắc Lương	1,800	1,500	9.000
6	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Nam Giang	2,020	0,700	4.200
7	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Phong	0,930	0,800	4.800
8	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Thọ Lộc	1,230	0,900	5.400
9	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Trường	0,600	0,400	2.400
10	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Hoà	0,810	0,600	3.600
11	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Thọ Hải	1,820	0,900	5.400
12	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Tây Hồ	1,170	0,850	5.100
13	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Giang	0,910	0,800	4.800
14	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Quang	0,820	0,600	3.600
15	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Sơn	0,820	0,600	3.600
16	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Hưng	1,090	0,870	5.220
17	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Thọ Diên	1,360	0,900	5.400
18	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Thọ Lâm	0,700	0,500	3.000
19	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Thọ Xương	4,600	2,500	15.000
20	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Bái	3,880	2,750	16.500
21	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Phú	1,400	1,100	6.600
22	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Thắng	1,240	1,000	6.000
23	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Lam	0,430	0,280	1.680

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
24	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Thiện	0,720	0,500	3.000
25	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Thọ Minh	1,320	1,000	6.000
26	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Châu	1,040	0,810	4.860
27	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Thọ Lập	0,930	0,700	4.200
28	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Quảng Phú	1,000	0,800	4.800
29	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Tín	0,730	0,500	3.000
30	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Phú Yên	0,620	0,500	3.000
31	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Yên	0,920	0,700	4.200
32	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Lai	0,930	0,800	4.800
33	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Lập	1,030	0,700	4.200
34	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Thọ Thắng	0,720	0,500	3.000
35	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Minh	0,920	0,700	4.200
36	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Tân	0,860	0,600	3.600
37	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Xuân Vinh	0,820	0,600	3.600
38	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn	Xã Thọ Trường	1,220	0,900	5.400
39	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị	Thị trấn Thọ Xuân	1,640	2,300	18.400
40	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị	Thị trấn Lam Sơn	1,730	1,500	12.000
41	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị	Thị trấn Sao Vàng	6,910	3,480	27.840
XVIII	HUYỆN NHƯ THANH		16,200	10,806	62.005
A	Dự án mới				
1	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại thôn Kim Sơn	Xã Hải Vân	0,400	0,400	6.105
2	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại thôn Đồi Dẻ		0,140	0,140	200
3	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn yên Xuân MBQH Số: 01	Xã Yên Thọ	0,900	0,600	2.485
4	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn Tân Thọ MBQH Số: 02		0,150	0,100	539
5	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn Yên Khang	Xã Xuân Thái	0,160	0,160	263
6	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn Đồng Lườn		0,200	0,200	778
7	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại thôn Bông Thượng		0,500	0,400	2.350
8	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại thôn Eo Sơn	Xã Phú Nhuận	0,100	0,080	350
9	MBQH Đấu giá QSD đất tại thôn Phú Quang (Khu giáp trường cấp 2)		0,530	0,430	2.630
10	MBQH Đấu giá QSD đất tại thôn Thanh Sơn giáp trường cấp 2		0,230	0,180	1.030
11	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở khu dân cư thôn 3	Xã Phúc Đường	0,290	0,290	70
12	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn thôn Đồng Yên		0,300	0,190	1.270
13	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở khu Bàng tin thôn Hợp Tiến		0,370	0,280	1.240
14	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở khu Kho lương thực cũ thôn Bái Gạo 2		0,160	0,120	222

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
15	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở thôn Tâm Tiến khu giáp cô Hảo	Xã Mậu Lâm	0,320	0,200	250
16	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở xen cư khu sau nhà ông Thành Đồng Nghiêm		0,040	0,040	190
17	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở khu Đồng Ron thôn Đồng Nghiêm		0,490	0,300	1.500
18	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở khu Bãi bà Tùng thôn Đồng Mộc		0,300	0,250	315
19	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở khu Bãi Trung Đoàn thôn Bái Gạo 2	Xã Xuân Du	0,100	0,060	126
20	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở thôn 14		0,100	0,100	400
21	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở thôn Đồng Yên	Xã Yên Lạc	0,110	0,090	406
22	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở thôn Đồng Trung		0,170	0,150	562
23	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở thôn Ba Cồn		0,110	0,080	240
24	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở dân cư nông thôn	Cán Khê	1,390	1,220	115
25	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở đất thôn Vĩnh Lợi (05 lô)	Xã Hải Long	0,124	0,090	730
26	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở thôn Hải Tân (khu Đập Trần)		0,800	0,600	3.150
27	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở xen cư khu phố Hải Ninh	Thị trấn Bến Sung	0,020	0,010	300
28	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở xen cư Vĩnh Long		0,020	0,010	200
29	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở xen cư Xuân Điền		0,140	0,090	900
B	Dự án chuyển tiếp năm 2016				
30	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại thôn Kim Sơn	Xã Hải Vân	0,670	0,500	7.512
31	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở dân cư thôn Đồng Bai	Xã Phụng Nghi	0,740	0,250	1.350
32	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở dân cư thôn Bái Đa 2		0,050	0,020	40
33	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại thôn Thanh Sơn	Xã Phú Nhuận	0,600	0,500	2.200
34	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở khu dân cư thôn 2	Xã Phúc Đường	0,220	0,160	618
35	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở dân cư nông thôn thôn 6 + 8	Xã Xuân Phúc	0,460	0,350	1.032
36	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở thôn Đồng Mưa	Xã Xuân Khang	0,700	0,070	809
37	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở thôn Đồng Hơ		0,610	0,130	792
38	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất thôn Xuân Hưng		1,370	0,150	4.837
39	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở thôn 4+5	Xã Xuân Du	0,150	0,150	355
40	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở thôn 12		0,100	0,100	375
41	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở thôn 11		0,140	0,140	250
42	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở thôn 9		0,100	0,100	540
43	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở thôn Ba Cồn	Xã Yên Lạc	0,100	0,100	605
44	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở khu dân cư Bản Chanh	Xã Xuân Thọ	0,280	0,100	85
45	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở thôn Đồng Hải (12 lô)	Xã Hải Long	0,186	0,186	1.009
46	MBQH Đấu giá QSDĐ ở thôn Đồng Long (trên nền trạm Y tế cũ 07 lô)		0,240	0,240	1.080
47	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở lô 2 Xuân Điền	Thị trấn Bến Sung	0,420	0,300	3.200
48	MBQH Đấu giá quyền sử dụng đất ở khu TTTM-DV Khu phố 1		0,400	0,400	6.400

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đầu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
XIX	HUYỆN CẨM THỦY		31,586	25,155	147.776
A	Dự án mới				
1	MBQH Đầu giá QSD đất ở tại tổ 6 (Khu máy kéo cũ)	Thị trấn	1,040	1,040	8.320
2	MBQH Đầu giá QSD đất ở tại tổ 3 (Khu 18 hộ)		0,020	0,020	160
3	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn An Đỗ dọc đường Hồ Chí Minh (đường đi Gò Vay)	Xã Cẩm Châu	0,410	0,100	1.300
4	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn Khu khám vành thôn Xanh		0,300	0,200	375
5	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn khu Giáp trạm y tế cũ thôn Vinh	Xã Cẩm Bình	0,560	0,450	2.385
6	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn Khu giáp trạm kiểm lâm thôn Sỏ		0,160	0,100	390
7	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn khu Đồng Ben thôn Hoàng Giang 1	Xã Cẩm Sơn	0,700	0,700	22.400
8	MBQH Đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn khu BV đa khoa cũ thôn Thành Long 1	Xã Cẩm Thành	0,350	0,300	9.000
9	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn khu Sân Thể thao thôn Phảng Khánh		0,150	0,107	215
10	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn khu đối diện chợ mới thôn Cẩm Hoa		0,350	0,350	700
11	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn thôn Thuận Lương(Khu giáp sân bóng Thuận Lương).	Xã Cẩm Tú	0,190	0,190	285
12	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn Khu Thái Học		0,080	0,080	120
13	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn tại thôn Liên Sơn	Xã Cẩm Liên	0,190	0,150	210
14	MBQH Đầu giá QSD đất ở Khu Đồng Sơn Thôn 100	Xã Cẩm Yên	0,250	0,180	1.120
15	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn ven đường liên xã tại thôn Bến	Xã Cẩm Giang	1,17	1,1	2.200
16	MBQH Đầu giá QSD đất ở nông thôn khu Khám tút thôn Đôn		0,13	0,12	360
17	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn khu phía Đông cổng chợ thôn Chiềng 1 tại Chiềng 1	Xã Cẩm Thạch	0,356	0,135	4.000
18	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn khu Khi Dòng tại Chiềng 1		0,200	0,150	405
19	MBQH đầu giá đất ở Khu Chợ cũ, thôn Sỏ		0,160	0,096	2.100
20	MBQH đầu giá đất ở Trường TH thôn Kìm (Ao)	Xã Cẩm Ngọc	0,130	0,100	1.000
21	MBQH đầu giá đất ở Đất giáp trạm Y Tế, thôn Kìm		0,040	0,040	450
22	MBQH đầu giá đất ở Đồng Do, thôn Sảnh		0,480	0,360	3.638
23	MBQH đầu giá đất ở tại Xóm Chạ, Xóm Vóc thôn Đồng Chạ		1,250	1,250	3.125
24	MBQH đầu giá đất ở tại NVH Cửa hà 2	Xã Cẩm Phong	0,040	0,040	400
25	MBQH đầu giá đất ở khu Thung Vang thôn Dương Huệ		1,500	1,100	6.192
26	MBQH đầu giá đất ở khu giữa làng thôn Đồng Chạ		0,610	0,610	1.220
27	MBQH đầu giá đất ở thôn Chiềng 1	Xã Cẩm Quý	0,280	0,220	440
28	MBQH đầu giá đất ở thôn Trà Đa		0,260	0,200	400

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đầu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
29	MBQH đầu giá đất ở khu An Cựu	Xã Cẩm Tâm	1,3	0,500	3.600
30	MBQH đầu giá đất ở khu Tân Thành		0,31	0,310	660
31	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn Khu thương mại Do hạ	Xã Cẩm Tân	0,037	0,037	746
32	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn Đồng Bàu Trại Hà		0,760	0,500	3.400
33	MBQH đầu giá quyền sd đất ở thôn Phúc Bình	Xã Phúc Do	0,210	0,197	295
34	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn khu Bần Mỏ thôn Lương Hoà	Xã Cẩm Lương	0,960	0,810	2.400
35	MBQH đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn giáp NVH mới thôn Vân Long		0,200	0,200	500
36	MBQH đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn giáp NVH cũ thôn Vân Long	Xã Cẩm Long	0,280	0,280	1.000
37	MBQH đầu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn khu trường MN cũ thôn Phi Long		0,100	0,100	400
38	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn khu NVH cũ thôn Báy	Xã Cẩm Phú	0,070	0,070	80
39	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn khu Nhà Chay thôn Thái Long 1		0,460	0,400	488
40	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn Khu Chà Đa Lạc Long 1		0,450	0,400	488
B Dự án chuyển tiếp năm 2016					
41	MBHQ đầu giá QSD đất ở tại tổ 1	Thị trấn	0,160	0,13	3.325
42	MBQH đầu giá QSD đất ở tại tổ 5		0,090	0,08	3.439
43	MBQH đầu giá QSD đất ở tại tổ 6		0,36	0,02	982
44	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn khu Đồng Cu thôn An Đỗ	Xã Cẩm Châu	0,640	0,250	2.059
45	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn Đồng Kim thôn An Đỗ		0,460	0,200	1.600
46	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn khu vực Bái Bàn thôn Eo Lê	Xã Cẩm Vân	0,160	0,120	1.320
47	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn khu vực Bưởi thôn Cò Đom		0,060	0,040	113
48	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn Khu Trại Cá đường vào thôn Chợ (MBQH Quyết định số 826)		1,530	1,150	5.748
49	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn Khu Bìa làng thôn Sẻ		1,100	0,950	375
50	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn Khu nước mạ thôn Xăm		0,700	0,500	375
51	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn Khu ao ông Hạnh, theo MBQH QĐ số 353/QĐ-UBND thôn 3 Bình Hoà	Xã Cẩm Bình	0,420	0,310	715
52	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn Khu Trại cá, theo MBQH QĐ số 353/QĐ-UBND thôn Chợ		1,200	0,870	5.335
53	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn Khu đồng chim thôn Bình yên		0,210	0,180	5.186
54	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn Khu khóm nạy thôn Xăm		0,870	0,750	17.238
55	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn khu giáp đường vào chợ Vạc	Xã Cẩm Thành	0,120	0,100	1.200
56	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn khu giáp hộ ông Dọng thôn Lương Thành	Xã Cẩm Tú	0,060	0,060	300
57	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn khu Quận bãi thôn Chiềng	Xã Cẩm Giang	0,05	0,0557	167
58	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn khu Quận vốc thôn Chiềng		0,1	0,1	120
59	MBQH đầu giá QSD đất ở nông thôn khu Tại Chùa tại Chiềng 2	Xã Cẩm Thạch	0,600	0,150	550

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
60	MBQH đấu giá QSD đất ở Khu 30; Ao con, thôn Sòng	Xã Cẩm Ngọc	0,280	0,200	900
61	MBQH đấu giá QSD đất ở Khu Đồng Khoai, Ngán Vải		1,010	0,530	5.978
62	MBQH đấu giá QSD đất ở Khu Công Tây thôn Phong Y	Xã Cẩm Phong	0,470	0,470	1.175
63	MBQH đấu giá QSD đất ở thôn Dương Huế, Nghĩa Dũng, Phong Y		7,150	5,700	199
64	MBQH đấu giá QSD đất ở nông thôn khu Đồng Búng thôn Bái	Xã Cẩm Long	0,200	0,180	490
65	MBQH đấu giá QSD đất ở nông thôn khu Cò Nhỏ thôn Mọ		0,050	0,030	120
66	MBQH đấu giá QSD đất ở nông thôn khu đối diện trường MN cũ thôn Bái		0,100	0,080	300
67	MBQH đấu giá QSD đất ở nông thôn chân dốc Bông Niêu thôn Phi Long		0,400	0,300	1.500
XX	HUYỆN NGA SƠN		52,840	39,902	536.386
	Dự án mới				
1	KHU DÂN CƯ ĐÔ THỊ		29,130	21,645	364.900
1	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư mới trại cá				
1.1	Lấy từ đất của Thị trấn	Thị trấn	3,000	3,000	70.000
1.2	Lấy từ đất của xã Nga Yên	xã Nga Yên	2,000	2,000	30.000
2	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư Làng nghề	Xã Nga Mỹ	1,700	1,400	35.000
3	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư phía nam đường Tiên phước (đường hành chính)				
3.1	Lấy từ đất của Thị trấn	Thị trấn	1,600	1,000	20.000
3.2	Lấy từ đất của xã Nga Mỹ	Xã Nga Mỹ	1,700	1,200	24.000
4	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư phía đông trường Chu Văn An mới				
4.1	Lấy từ đất của Thị trấn	Thị trấn	0,900	0,600	10.200
4.2	Lấy từ đất của xã Nga Mỹ	Xã Nga Mỹ	1,300	0,800	13.600
5	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư phía tây đường đi chỉ nhánh điện	Xã Nga Mỹ	2,200	1,500	19.500
6	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư đường Từ Thúc kéo dài	Xã Nga Yên	4,300	3,000	45.000
7	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư đường Tiên Phước kéo dài				
7.1	Lấy từ đất xã Nga Mỹ	Xã Nga Mỹ	1,530	1,000	13.000
7.2	Lấy từ đất xã Nga Văn	xã Nga Văn	3,600	2,500	25.000
8	Khu dân cư phía tây ông Hội (Tiểu khu 1)	Thị trấn	0,100	0,080	1.200
9	Khu dân cư lô 2 Đượng Thông Tiểu khu 1)	Thị trấn	0,400	0,250	3.000
10	Khu dân cư phía tây trung tâm y tế huyện (Tiểu khu 1)	Thị trấn	0,100	0,085	1.400
11	Khu dân cư tây Huyện ủy (Tiểu khu Ba Đình 2)	Thị trấn	0,300	0,200	4.000
12	Khu dân cư kênh bà Chiêm (Tiểu khu Ba Đình 1)	Thị trấn	2,900	1,800	30.000
13	Khu dân cư phía đông nam ông Ba Đoài (Tiểu khu 2)	Thị trấn	1,500	1,230	20.000

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
II	KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN		23,710	18,257	171.486
1	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Ba Đình	1,000	0,700	3.500
2	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Vinh	0,830	0,504	3.700
3	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Văn	0,450	0,333	2.614
4	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Thiện	0,920	0,720	2.500
5	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Linh	1,000	0,640	4.500
6	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Nhân	1,000	0,700	7.000
7	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Trung	1,000	0,850	5.000
8	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Bạch	0,820	0,610	6.000
9	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Thanh	1,000	0,800	3.200
10	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Hưng	1,600	1,210	10.000
11	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Mỹ	0,800	0,700	17.500
12	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Yên	1,000	0,840	12.300
13	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Giáp	1,000	0,800	6.120
14	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Hải	1,410	1,100	7.700
15	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Thành	0,980	0,880	4.880
16	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga An	0,900	0,900	6.390
17	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Phú	1,500	0,700	3.500
18	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Điền	2,000	1,800	33.600
19	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Thái	1,000	0,840	5.882
20	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Thạch	1,500	1,080	14.000
21	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Thăng	1,000	0,750	4.500
22	MBQH đấu giá QSD đất Dự án khu dân cư nông thôn	xã Nga Trường	1,000	0,800	7.100
XXI	HUYỆN NHƯ XUÂN		22,170	15,540	100.543
	Dự án mới				
1	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư đô thị	T.trần Yên Cát	8,920	6,240	59.542
2	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư nông thôn	Xã Xuân Bình	0,570	0,400	1.915
3	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư nông thôn	Xã Xuân Quý	0,350	0,250	1.176
4	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư nông thôn	Xã Xuân Hòa	0,100	0,070	448
5	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư nông thôn	Xã Cát Văn	1,570	1,100	5.275
6	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư nông thôn	Xã Thượng Ninh	1,640	1,150	5.510
7	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư nông thôn	Xã Tân Bình	0,150	0,110	336
8	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư nông thôn	Xã Cát Tân	0,830	0,580	3.970
9	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư nông thôn	Xã Thanh Lâm	1,120	0,780	1.881
10	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư nông thôn	Xã Hóa Quý	1,790	1,250	6.014

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
11	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư nông thôn	Xã Bình Lương	1,050	0,740	2.352
12	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư nông thôn	Xã Bãi Trành	1,270	0,890	7.112
13	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư nông thôn	Xã Thanh Phong	0,750	0,530	1.260
14	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư nông thôn	Xã Thanh Hòa	0,250	0,180	280
15	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư nông thôn	Xã Thanh Quân	0,950	0,670	1.064
16	MBQH đấu giá QSD đất ở khu dân cư nông thôn	Xã Yên Lễ	0,860	0,600	2.408
XXII	HUYỆN THƯỜNG XUÂN		9,380	8,010	44.545
A	Dự án mới				
1	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư mới thôn Chiềng	Xã Xuân Lộc	1,000	0,750	2.500
2	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư mới thôn Thông Nhất	Xã Xuân Dương	0,300	0,300	3.750
3	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư mới thôn Cang Khèn	Xã Vạn Xuân	0,700	0,630	2.400
4	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư khu 4	T.trần Thường Xuân	0,020	0,020	1.500
5	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Dín	Xã Xuân Thắng	0,200	0,120	900
6	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Dín	Xã Xuân Thắng	0,350	0,300	800
7	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Lửa	Xã Yên Nhân	1,000	0,800	500
8	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư mới Cao Tiên	Xã Luận Thành	0,890	0,500	9.600
9	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 1	Xã Thọ Thanh	0,600	0,600	1.040
10	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Cụt Ac	Xã Xuân Chinh	0,500	0,500	500
11	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Phú Vinh	Xã Ngọc Phụng	0,150	0,150	750
B	Dự án chuyển tiếp năm 2016				
12	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư mới thôn Công Thương	Xã Vạn Xuân	0,040	0,030	165
13	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư mới thôn Ná Mèn	Xã Vạn Xuân	0,700	0,600	1.800
14	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư mới Quyết Thắng 1	Xã Xuân Cao	0,150	0,150	540
15	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 1	Xã Thọ Thanh	0,120	0,120	600
16	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn 1	Xã Thọ Thanh	0,720	0,500	2.000
17	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Xuân Thành	Xã Ngọc Phụng	0,350	0,350	2.000
18	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Hòa Lâm	Xã Ngọc Phụng	0,700	0,700	4.000
19	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư thôn Xuân Thắng	Xã Ngọc Phụng	0,460	0,460	5.000
20	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư mới thôn Ngọc Sơn 2	Xã Lương Sơn	0,280	0,280	1.800
21	MBQH đấu giá QSD đất Khu dân cư mới thôn Trung Chinh	Xã Xuân Cẩm	0,150	0,150	2.400
XXIII	HUYỆN BẮC THUỐC		1,990	1,990	9.823
	Dự án mới				
1	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư nông thôn	Xã Hạ Trung	0,800	0,800	1.600
2	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư nông thôn	Xã Điện Lư	0,060	0,060	1.140
3	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư nông thôn	Xã Thiết Ống	0,970	0,970	6.583

STT	Danh mục dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất đấu giá (ha)	Tổng tiền sử dụng đất dự kiến
4	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư nông thôn	Xã Lương Trung	0,090	0,090	360
5	MBQH đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư nông thôn	Xã Lương Trung	0,070	0,070	140
XXIV	HUYỆN QUAN HÓA		4,140	3,440	9.300
	Dự án chuyển tiếp năm 2016				
1	MBQH đấu giá QSD đất khu xen cư	Xã Xuân Phú	1,700	1,340	4.500
2	MBQH đấu giá QSD đất khu xen cư	Xã Trung Sơn	2,440	2,100	4.800
XXV	HUYỆN MUỜNG LÁT		0,973	0,973	15.500
A	Dự án mới				
1	MBQH đấu giá QSD đất Thương mại-dịch vụ và dân cư	Thị trấn Mường Lát	0,933	0,933	15.000
B	Dự án chuyển tiếp năm 2016				
2	MBQH đấu giá QSD đất ở các lô đất lẻ	T.trấn Mường Lát, xã Tén Tàn	0,040	0,040	500
	TỔNG		638,862	449,869	5.075.125